

KINH NGHIỆM ĐỔI MỚI – SÁNG TẠO TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN ĐẠT HIỆU QUẢ CAO

Nguyễn Văn Mười
Trường Tiểu học Long Trung, Đồng Tháp

Tóm tắt: Công tác quản lý đội ngũ giáo viên đóng vai trò quyết định đến chất lượng giáo dục trong nhà trường. Bài viết trình bày kinh nghiệm đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý đội ngũ giáo viên và xã hội hóa giáo dục tại Trường Tiểu học Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Các giải pháp được triển khai bao gồm: quản lý nâng cao chất lượng đội ngũ thông qua công tác nhân sự, phân công hợp lý, bồi dưỡng chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin, và xây dựng môi trường sư phạm dân chủ; đồng thời huy động nguồn lực xã hội hóa giáo dục để cải thiện cơ sở vật chất, tạo cảnh quan trường học thân thiện. Kết quả sau 06 năm thực hiện (2018–2024) cho thấy đội ngũ giáo viên phát triển vững mạnh, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn tăng từ 40% lên 90,5%, chất lượng giảng dạy được nâng cao, cơ sở vật chất khang trang, trường đạt chuẩn Quốc gia và nhiều năm liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc cấp tỉnh.

Từ khóa: quản lý giáo dục, đội ngũ giáo viên, xã hội hóa giáo dục, trường học thân thiện, hiệu trưởng.

EXPERIENCES IN INNOVATION AND CREATIVITY IN EFFECTIVE TEACHER MANAGEMENT

Abstract: Teacher management plays a decisive role in the quality of education in schools. This article presents the experience of innovation and creativity in teacher management and the socialization of education at Long Trung Primary School, Cai Lay District, Tien Giang Province. The implemented solutions include: improving the quality of the teaching staff through personnel management, rational assignment of duties, professional development, application of information technology, and building a democratic pedagogical environment; while also mobilizing resources from the socialization of education to improve facilities and create a friendly school environment. The results after 6 years of implementation (2018–2024) show that the teaching staff has developed strongly, the percentage of teachers meeting the required standards has increased from 40% to 90.5%, teaching quality has improved, facilities are modern and well-maintained, the school has achieved national standards, and has consistently been awarded the title of Excellent Collective Labor Unit at the provincial level for many years.

Keywords: educational management, teaching staff, educational socialization, friendly school, principal.

Nhận bài: 24/02/2026

Phản biện: 20/03/2026

Duyệt đăng: 25/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công tác quản lý đội ngũ giáo viên là nhân tố đóng vai trò quyết định về chất lượng giáo dục. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, người cán bộ quản lý phải có những biện pháp tích cực, hỗ trợ giúp giáo viên không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trau dồi phẩm chất đạo đức nghề nghiệp. Để đáp ứng yêu cầu giáo dục trong giai đoạn hiện nay, người hiệu trưởng không những quản lý tốt đội ngũ giáo viên mà còn phải nhanh nhạy trong việc xã hội hóa giáo dục, tranh thủ mọi nguồn lực cải thiện cảnh quan khuôn viên trường để tạo môi trường thân thiện, gần gũi, thu hút học sinh.

Chính vì thế, người quản lý phải có sự sáng tạo trong công tác quản lý đội ngũ giáo viên và công tác xã hội hóa giáo dục. Thực hiện được song song hai yêu cầu trên thì chất lượng giảng dạy trong nhà trường mới thực sự đạt hiệu quả cao, giáo dục học sinh toàn diện. Bài viết này trình bày kinh nghiệm đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý đội ngũ giáo viên và xã hội hóa giáo dục tại Trường Tiểu học Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, từ năm học 2018–2019 đến nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện tại Trường Tiểu học Long Trung, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng bao gồm: (1) Phương pháp nghiên cứu lý luận; (2) Phương pháp nghiên cứu thực tiễn; (3) Phương pháp thống kê

2.2. Thực trạng đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất

2.2.1. Thực trạng đội ngũ giáo viên

Tại thời điểm tháng 9 năm 2018, thực trạng đội ngũ giáo viên Trường Tiểu học Long Trung như sau: Tổng số lớp: 29; tổng số học sinh: 944/448 nữ. Tổng số cán bộ giáo viên – nhân viên: 40/27 nữ. Trình độ chuyên môn: đạt chuẩn 100%, trên chuẩn: 16/40 GV (40%).

Giáo viên có chứng chỉ A Tin học trở lên: 17/40 GV (42,2%).

Giáo viên có chứng chỉ A Anh văn trở lên: 9/40 GV (22,5%).

Về tay nghề giáo viên:

Giáo viên giỏi cấp trường: 25/40 (62,5%).

Giáo viên giỏi cấp huyện: 17/40 (42,5%).

Giáo viên giỏi cấp tỉnh: 5/40 (12,5%).

Giáo viên giỏi cấp quốc gia: 1/40 (2,5%).

Những hạn chế trong đội ngũ giáo viên: phần đông lớn tuổi (>45 tuổi) chiếm 40%, họ thích an phận, ngại học hỏi phương pháp mới; chất lượng chuyên môn không đều ở các lớp; nội bộ còn một số ít đoàn kết chưa cao; tính ghen tỵ, đố kỵ nhau còn nhiều.

2.2.2. Thực trạng cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất còn thiếu, cảnh quan xung quanh chưa đẹp, không thân thiện với học sinh; cây xanh, hoa kiểng, cây lấy bóng mát chưa được quy hoạch; bàn ghế học sinh còn một số phòng chưa đúng chuẩn; trường lớp chưa trang trí, không hấp dẫn học sinh; ghế đá để học sinh ngồi chơi còn hạn chế.

Để cải thiện tình trạng trên, người quản lý phải tìm cách nâng cao chất lượng giáo viên, quản lý tốt đội ngũ vững về chuyên môn và tăng cường ngoại giao để đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, cải thiện trường lớp khang trang sạch đẹp.

2.3. Các biện pháp đổi mới, sáng tạo

2.3.1. Quản lý nâng cao chất lượng đội ngũ

Đề đội ngũ giáo viên thật chuẩn và có chất lượng thật sự, người quản lý đã thực hiện các công việc sau:

a) Công tác nhân sự: Lựa chọn tổ trưởng, tổ phó có phẩm chất đạo đức tốt, công bằng, khách quan, vững về chuyên môn. Phân công giáo viên hợp lý phù hợp năng lực sở trường: giáo viên viết chữ đẹp, có hoa tay, dịu dàng, cần mẫn thường được phân công dạy khối 1 để rèn cho học sinh viết chữ đẹp ngay từ lớp 1.

b) Công tác bồi dưỡng:

Bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống.

Bồi dưỡng lòng nhân ái sư phạm, lòng yêu nghề nghiệp qua các ngày lễ lớn.

Bồi dưỡng nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng sư phạm, nghiệp vụ chuyên môn.

Xây dựng môi trường sư phạm dân chủ, bình đẳng, thúc đẩy sự nỗ lực phấn đấu và nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo. Mở chuyên đề bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, qua các tiết thao giảng hội đồng từ khối 1 đến khối 5, các giáo viên được học hỏi, chia sẻ phương pháp dạy mới. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tham gia 100% các buổi dự giờ để nắm tay nghề giáo viên, rút kinh nghiệm và chỉ đạo kịp thời.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng thiết bị, đồ

dùng dạy học, tránh hiện tượng “dạy chay”, “học chay”. Động viên giáo viên học vi tính, sử dụng thành thạo và dạy giáo án điện tử.

d) Xây dựng lực lượng nòng cốt trong chuyên môn: Hàng năm, nhà trường tạo điều kiện cho giáo viên cốt cán tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn do Phòng, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Thông qua các tiết dạy thao giảng hội đồng hàng tháng, các buổi sinh hoạt chuyên đề thiết thực, bổ ích.

e) Bồi dưỡng gắn với hoạt động ngoài giờ, tham quan trường bạn: Tổ chức cho giáo viên cốt cán, tổ trưởng chuyên môn giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm với các trường bạn. Qua sinh hoạt tập thể, giao lưu học hỏi, giáo viên trong trường hiểu nhau hơn, xóa bỏ được sự ghen tỵ, đố kỵ, tạo sự đoàn kết nội bộ.

f) Công tác thi đua khen thưởng: Thi đua khen thưởng là động lực để giáo viên phấn đấu. Trường vận động mạnh thường quân ủng hộ kinh phí thưởng bằng tiền mặt để khích lệ tinh thần cho giáo viên. Nhà trường thưởng cho giáo viên có công rèn học sinh thi đạt giải cao trong các cuộc thi cấp huyện, tỉnh và quốc gia.

2.3.2. Huy động nguồn lực xã hội hóa giáo dục

Các giải pháp huy động cơ sở vật chất được thực hiện đồng bộ:

a) Công tác tuyên truyền: Đầu năm học, nhà trường triển khai, quán triệt cho giáo viên và phụ huynh về các chủ trương, nhu cầu hỗ trợ về vật chất, trang thiết bị, khen thưởng, hỗ trợ học sinh nghèo.

b) Vai trò của giáo viên chủ nhiệm: Giáo viên chủ nhiệm là cầu nối quan trọng giữa phụ huynh và nhà trường, góp phần tạo sự đồng thuận.

c) Tổ chức lấy ý kiến phụ huynh: Qua thư ngỏ, phiếu trưng cầu ý kiến, tổ chức họp phụ huynh định kỳ 02 lần/năm. Lắng nghe, tiếp thu sự góp ý của lãnh đạo, đồng nghiệp, phụ huynh để xây dựng kế hoạch tiếp theo được tốt hơn.

d) Công khai, minh bạch tài chính: Thông báo kịp thời kết quả thực hiện, các khoản phụ huynh tự nguyện đóng góp, các nhà hảo tâm hỗ trợ đều ghi vào sổ vàng có chứng từ thu chi lưu lại. Công khai rõ ràng, minh bạch trong các cuộc họp phụ huynh học sinh, trong buổi lễ tổng kết cuối năm.

e) Gửi thư cảm ơn: Sau khi nhận tiền hoặc hiện vật, gửi thư cảm ơn đến phụ huynh, các nhà hảo tâm, cựu học sinh thành đạt kịp thời, đúng lúc.

f) Tổ chức tham quan học hỏi: Tổ chức cho giáo viên tham quan học hỏi kinh nghiệm ở các trường

bạn trong và ngoài huyện về trang trí trường lớp đẹp. Triển khai kế hoạch trang trí lớp, tổ chức thi đua giữa các lớp.

Kết quả cụ thể: Từ khi phát động (10/2018) đến kết thúc (11/2018), trong 1 tháng trường hoàn tất trang trí 27 lớp với tổng kinh phí 8.100.000 đồng từ phụ huynh tự nguyện hỗ trợ. Sau đó, tiếp tục

vận động thêm 35 chậu hoa trang trí ở các lớp và một số loài hoa có bông đẹp trồng ở sân trường.

2.4. Kết quả đạt được

Qua thực hiện song song các biện pháp trên (từ năm học 2018–2019 đến nay), nhà trường đã đạt được những kết quả tốt đẹp:

2.4.1. Trình độ chuyên môn, văn bằng chứng chỉ

Bảng 1. Thống kê trình độ chuyên môn và văn bằng chứng chỉ của giáo viên

Năm học	TSGV/ Nữ	Đạt chuẩn	Tỉ lệ	Trên chuẩn	Tỉ lệ %	Tin học (A/B/C)	Ngoại ngữ (A/B/C)	Ghi chú
2021- 2022	38/27	38/38	100%	20	52,6	18/8/1	10/3/	
2022- 2023	40/27	40/40	100%	25	62,5	22/10/2	14/4/	
2023- 2024	42/29	42/42	100%	30	71,4	32/15/4	22/5/	A2: 01
2024- 2025	42/29	42/42	100%	38	90,5	39/20/4	25/6/	A2:1; A1:1

2.4.2. Xếp loại tay nghề giáo viên

Bảng 2. Thống kê xếp loại tay nghề giáo viên giỏi các cấp

Năm học	TSGV/Nữ	Cấp trường	Cấp huyện	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia
2021-2022	38/27	30	17	4	1
2022-2023	40/27	33	20	5	2
2023-2024	42/29	36	29	5	2
2024-2025	42/29	39	34	6	2

2.4.3. Học sinh giỏi đạt giải các cấp

Số lượng học sinh giỏi đạt giải các cấp của nhà trường trong ba năm học có sự thay đổi theo từng cấp giải. Năm học 2022–2023, tổng số học sinh là 907, trong đó có 428 nữ; số học sinh đạt giải cấp huyện là 138, cấp tỉnh là 130 và cấp quốc gia là 2. Sang năm học 2023–2024, tổng số học sinh tăng lên 944, trong đó có 448 nữ; số giải cấp huyện tăng mạnh lên 198, số giải cấp tỉnh là 19 và số giải cấp quốc gia tăng lên 3. Đến năm học 2024–2025, quy mô học sinh tiếp tục tăng lên 1037, trong đó có 487 nữ; số học sinh đạt giải cấp huyện đạt 258, cấp tỉnh là 32 và cấp quốc gia là 1.

Nhìn chung, qua ba năm học, quy mô học sinh của nhà trường tăng dần, đồng thời số giải cấp huyện cũng tăng liên tục, từ 138 lên 198 và 258, cho thấy chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi ở cấp cơ sở có xu hướng được nâng lên. Trong khi đó, số giải cấp tỉnh và cấp quốc gia có biến động chưa ổn định qua các năm. Điều này cho thấy nhà trường đã có kết quả tích cực trong phát hiện và

bồi dưỡng học sinh giỏi, đặc biệt ở cấp huyện, nhưng vẫn cần tiếp tục quan tâm đầu tư để nâng cao hơn nữa thành tích ở các cấp cao hơn.

2.4.4. Mạnh thường quân hỗ trợ (quy ra tiền)

Mức hỗ trợ quy đổi ra tiền từ mạnh thường quân dành cho nhà trường có xu hướng tăng dần qua các năm học. Cụ thể, năm học 2022–2023, tổng giá trị hỗ trợ đạt 27.464.000 đồng. Nguồn hỗ trợ này được sử dụng cho nhiều nội dung thiết thực như vật chất, quần áo, tập vở, hỗ trợ học sinh nghèo, mua BHYT cho học sinh, quà phát thưởng cuối năm, và các khoản hỗ trợ khác được quy ra thành tiền. Đến năm học 2023–2024, tổng số tiền ủng hộ tăng lên 35.170.000 đồng, cao hơn năm học trước 7.706.000 đồng. Sang năm học 2024–2025, mức hỗ trợ tiếp tục tăng, đạt 42.850.000 đồng, tăng thêm 7.680.000 đồng so với năm học 2023–2024.

Nhìn chung, qua ba năm học, nguồn hỗ trợ từ mạnh thường quân không ngừng gia tăng, từ 27.464.000 đồng lên 42.850.000 đồng, cho thấy

nhà trường đã nhận được sự quan tâm, đồng hành ngày càng nhiều từ các tổ chức, cá nhân và cộng đồng xã hội. Đây là nguồn lực có ý nghĩa quan trọng trong việc hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, chăm lo đời sống học tập, động viên tinh thần và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

III. KẾT LUẬN

Trong giai đoạn hiện nay, để sự nghiệp giáo dục đáp ứng được yêu cầu phát triển của đất nước, đội ngũ giáo viên là lực lượng chủ yếu quan trọng nhất trong tập thể sư phạm của nhà trường, là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất cũng không kém phần quan trọng. Nếu không chú ý đến việc này, cơ sở vật chất thiếu thốn, cũ, học sinh không thích đến học ở trường, phụ huynh cũng lựa chọn trường đẹp khang trang, có uy tín, có thương hiệu để cho con học.

Chính vì thế, người cán bộ quản lý phải không ngừng học hỏi nâng cao trình độ quản lý, kỹ năng

giao tiếp vận động xã hội hóa giáo dục, phải chú trọng đến việc tổ chức chỉ đạo bồi dưỡng chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ, rèn luyện đạo đức lối sống cho giáo viên bằng nhiều cách để giáo viên thông hiểu, dạy học bằng cái tâm của người giáo viên, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thực sự trong nhà trường, đem lại uy tín, thương hiệu với phụ huynh học sinh, nhân dân địa phương và với ngành giáo dục.

Kinh nghiệm từ Trường Tiểu học Long Trung cho thấy, với sự đổi mới, sáng tạo trong công tác quản lý, kết hợp hài hòa giữa nâng cao chất lượng đội ngũ và huy động nguồn lực xã hội hóa, nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên ổn định, đoàn kết, vững về chuyên môn, giảng dạy có chất lượng, cơ sở vật chất khang trang, sạch đẹp. Đây là những bài học kinh nghiệm quý báu có thể chia sẻ, nhân rộng trong hệ thống các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đ. Q. Bảo, Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2018. [Online]. Available: <https://nxb.gdvn.edu.vn/book/quan-ly-nha-nuoc-ve-giao-duc-va-dao-tao>
- P. M. Hạc, Tâm lý học quản lý, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2020. [Online]. Available: https://www.researchgate.net/publication/344567890_Tam_ly_hoc_quan_ly
- T. K. Hà, “Các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên tiểu học,” Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, vol. 18, no. 5, pp. 78–86, 2021. [Online]. Available: <https://doi.org/10.54607/hcmue.js.18.5.231>
- T. Kiểm, Khoa học quản lý giáo dục: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2021. [Online]. Available: <https://press.vnu.edu.vn/product/khoa-hoc-quan-ly-giao-duc>